

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH HÀ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03/5/2024
Vv Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Thành và ông Trần Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện Thạch Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T, Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 15 phút, ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22/01/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/HNGĐ-ST, ngày 05/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L; sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Có đơn xin vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Khánh L1; sinh năm: 1999; Địa chỉ: Số E đường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Q - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh H; Địa chỉ: Số E đường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T1; sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Mỹ L** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L** kết hôn với anh **Nguyễn Trung T1** ngày 24/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã **T** (nay là xã **T**), huyện **T**, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, anh **T1** không tôn trọng vợ, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống gia đình ngày càng bế tắc. Vợ chồng đã sống ly thân gần 6 năm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên chị **Nguyễn Thị Mỹ L** làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Nguyễn Trung T1**.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên là **Nguyễn Nhật P**, sinh ngày 22/4/2010; **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 22/4/2012 và **Nguyễn Ngọc Kiều A**, sinh ngày 24/6/2014. Hiện nay các cháu đang sinh sống với chị **L** và ông bà ngoại tại thôn **B**, xã **T**, huyện **T**, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi vợ chồng ly hôn chị **Nguyễn Thị Mỹ L** yêu cầu tiếp tục được trực tiếp nuôi các con vì chị **L** cho rằng kể từ ngày vợ chồng ly thân đến nay anh **T1** không quan tâm, trách nhiệm gì đối với các con; bản thân chị **L** có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung phát triển tốt hơn.

- Về tài sản chung: Chị **L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/02/2024 bị đơn anh **Nguyễn Trung T1** trình bày:

- Về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân như chị **L** trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị **L** có tình cảm với người đàn ông khác. Chị **L** yêu cầu ly hôn nhưng anh **T1** không đồng ý và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Về con chung có 03 con chung tên là **Nguyễn Nhật P**, sinh ngày 22/4/2010, **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 22/4/2012 và **Nguyễn Ngọc Kiều A**, sinh ngày 24/6/2014. Vì không muốn ly hôn nên anh **T1** không có ý kiến gì về việc nuôi con chung và tài sản chung.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo triệu tập anh **Nguyễn Trung T1** đến làm việc, hòa giải nhưng anh **T1** chỉ duy nhất một lần đến Tòa án để làm việc vào ngày 05/02/2024 trình bày lời khai, nội dung: anh **T1** thống nhất với chị **L** về thời gian, địa điểm kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị **L** ngoại tình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh **T1** không muốn ly hôn với chị **L** mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu **Nguyễn Nhật P**, sinh ngày 22/4/2010, **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 22/4/2012, **Nguyễn Ngọc Kiều A**, sinh ngày 24/6/2014. Anh **T1** cho rằng còn có tình cảm với chị **L** nên về con chung sẽ suy nghĩ kỹ rồi sẽ trả lời sau; còn hầu hết các buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh **T1** đều vắng mặt không có lý do. Tòa án có văn bản yêu cầu anh **T1**

cung cấp tài liệu chứng cứ về việc chị **L** ngoại tình cũng như thu nhập và điều kiện sống nếu có nguyện vọng nuôi con nhưng anh **T1** không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

** Kết quả xác minh tại gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương được cung cấp thông tin như sau:*

- Ông **Nguyễn Trung T2** (Bố đẻ anh **T1**) cho rằng: Vợ chồng chị **L** và anh **T1** có đăng ký kết hôn hợp pháp và đã có 03 con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do chị **L** cũng có tình cảm với người đàn ông khác; gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải, phân tích để hai vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả; bản thân anh **T1** làm nghề tự do, sáng đi tối về; gia đình đã tiếp nhận các văn bản tố tụng do Tòa án tổng đạt và cam kết sẽ thông báo đầy đủ, kịp thời cho anh **T1**. Về yêu cầu khởi kiện của chị **L** thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông **Nguyễn Văn T3** và bà **Nguyễn Thị H** (Bố mẹ đẻ chị **L**) cho biết: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng **L** – **T1** là do bất đồng quan điểm sống, anh **T1** thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con; hai vợ chồng đã ly thân khoảng 5 đến 6 năm. Theo gia đình thực tế mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, chị **L** kiên quyết xin ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị **L** để các con ổn định cuộc sống. Vợ chồng có 03 con chung; từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay các con sống với chị **L** và ông bà ngoại, mọi chi phí sinh hoạt, học hành của các cháu đều do chị **L** cung cấp; bản thân anh **T1** không có trách nhiệm gì đối với các con. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị giao 03 con chung cho chị **L** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và gia đình cam kết sẽ hỗ trợ chị **L** trong việc nuôi con phát triển tốt.

- Đại diện chính quyền địa phương **xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** cho biết: Anh **Nguyễn Trung T1** và chị **Nguyễn Thị Mỹ L** là công dân cư trú tại: **xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh**; vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 24/11/2010 tại **UBND xã T (nay là xã T), huyện T, tỉnh Hà Tĩnh**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không rõ vì vợ chồng không thông báo với địa phương hay có đơn đề nghị phối hợp hòa giải. Nhưng qua tìm hiểu thì được biết hai vợ chồng anh **T4** và chị **L** phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ lâu, không còn sống chung với nhau. Vợ chồng có 03 con chung; hiện nay các cháu đang còn nhỏ, sinh sống cùng chị **L** và ông bà ngoại. Chính quyền địa phương mong muốn hai vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp chị **L** kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn không có ý kiến gì với nội dung và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Đồng thời đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; có bản tự khai thể thiện đầy đủ ý kiến của mình về các vấn đề liên quan của vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã có lời khai trình bày ý kiến của mình về các vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án; việc bị đơn không có mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử (lần thứ hai không có lý do) mặc dù đã được thông báo hợp lệ nên phải chịu các hậu quả pháp lý theo quy định của BLTTDS. Tòa án có đủ căn cứ xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Qua nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 91, Điều 96, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Mỹ L** về việc ly hôn anh **Nguyễn Trung T1**.

+ Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung tên là **Nguyễn Nhật P**, sinh ngày 22/4/2010, **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 22/4/2012 và **Nguyễn Ngọc Kiều A**, sinh ngày 24/6/2014, cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cấm, cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại **xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có mặt và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử vụ án nhưng trước đó đã biết được thông tin đầy đủ về

nội dung yêu cầu khởi kiện, được tiếp cận toàn bộ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và có lời khai về các vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã thông báo triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn, người bảo vệ có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời có văn bản ủy quyền cho người đại diện tham gia phiên tòa. Do đó, Tòa án có đủ căn cứ xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Nguyễn Trung T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của hai anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau và đã sống ly thân từ 2018 đến nay; kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã T cũng như tại gia đình chị L anh T1 cũng khẳng định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu và sống ly thân nhau. Bản thân anh T1 cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Tòa án đã có quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng anh T1 vẫn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng điều kiện để xây dựng gia đình hạnh phúc phải xuất phát từ hai phía, nhưng nay chị L không có tình cảm với anh T4 và kiên quyết xin ly hôn. Bản thân anh T1 thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng cũng không có giải pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng, thậm chí vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử tại Tòa án. Điều đó cho thấy bản thân anh T1 không thực sự mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Kết quả xác minh tại gia đình nội ngoại và chính quyền địa phương cho thấy thực tế mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhiều năm và sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Trung T1 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 22/4/2010; Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 22/4/2012 và Nguyễn Ngọc Kiều A, sinh ngày 24/6/2014. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay các cháu sống với chị L và ông bà ngoại tại thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi ly hôn chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân các cháu cũng có đơn trình bày nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Còn đối với anh T1 tại buổi làm việc tại Tòa án, do không đồng ý ly hôn nên anh không thể hiện ý kiến của mình về việc có nguyện vọng nuôi con chung hay không. Tòa án đã có quyết định yêu cầu anh T1 cung cấp chứng trình bày rõ về nguyện vọng, khả năng và các điều kiện đảm bảo việc nuôi con nhưng anh T1 không thực hiện; không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án và thực tế cũng chưa thể hiện được trách nhiệm của mình đối với con cái.

Xét điều kiện hoàn cảnh của chị **L** hiện tại có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, thể hiện mong muốn được nuôi cả 3 con chung và trên thực tế từ khi vợ chồng ly thân đến nay các con chủ yếu do chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, bản thân chị còn được sự giúp đỡ, hỗ trợ từ bố mẹ để về việc chăm sóc con. Do đó, cần tiếp tục giao các cháu **Nguyễn Nhật P**, **Nguyễn Ngọc D** và **Nguyễn Ngọc Kiều A** cho chị **L** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp quy định pháp luật và bảo đảm điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu. Anh **T1** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị **L** không có yêu cầu nên miễn xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung*: Các đương sự đều không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử miễn xem xét.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 91, Điều 96, Điều 238; Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L** được quyền ly hôn anh **Nguyễn Trung T1**.

2. *Về con chung*: Giao các cháu **Nguyễn Nhật P**, sinh ngày 22/4/2010, **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 22/4/2012 và **Nguyễn Ngọc Kiều A**, sinh ngày 24/6/2014 cho chị **Nguyễn Thị Mỹ L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh **Nguyễn Trung T1** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. *Về án phí*: Chị **Nguyễn Thị Mỹ L** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp theo biên lai số 0010086, ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Trung T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Thạch Hà;
- Chi cục THA Dân sự huyện Thạch Hà;
- UBND xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; (để xóa đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Nhân